

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **64/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 18-9-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận

2. Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 167/2018/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX - ST ngày 28 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S; Sinh năm: 1964 (có mặt)

Trú tại: thôn 3, xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Th; Sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Trú tại: thôn 3, xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng NNPTNN phòng giao dịch xã T.N.

Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông S và Bà Bùi Thị Th tự nguyện chung sống năm 1989, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng. Nguyên nhân là do ông S cờ bạc, ông S và

bà Th không thống nhất trong làm ăn kinh tế, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Bà Th ghen tuông vô cớ, mâu thuẫn kéo dài đến năm 2015 thì ngày càng trầm trọng. Mặc dù chung sống một nhà nhưng hai bên không quan tâm chăm sóc cho nhau. Tình cảm giữa ông S và bà Th không còn nên ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th.

Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Khương D, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị Thu D, sinh năm: 1991 và Nguyễn Minh D, sinh năm: 1995. Sau khi ly hôn do các cháu đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã T.N, huyện B số tiền 600.000.000 đồng. Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn Bà Bùi Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà Th và Ông Nguyễn Thanh S tự nguyện chung sống năm 1989, đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông S thường xuyên chơi bời cờ bạc, mặc dù bà đã khuyên nhiều lần nhưng ông S không thay đổi, từ đó hai bên thường xuyên cãi nhau và dẫn đến xô xát. Ông S đã viết đơn ly hôn nhưng lại quay về đoàn tụ. Đến đầu năm 2018 ông S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên về kiểm chuyện vô cớ với bà Th. Ngoài ra do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi nhau dẫn đến xô xát. Ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà không đồng ý vì hiện nay bà đã có tuổi, vì các con nên bà mong muốn đoàn tụ để cùng xây dựng gia đình.

Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Khương D, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị Thu D, sinh năm: 1991 và Nguyễn Minh D, sinh năm: 1995. Sau khi ly hôn do các cháu đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã T.N, huyện B số tiền 600.000.000 đồng. các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn Việt Nam – chi nhánh xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:

Ông Nguyễn Thanh S và Bà Bùi Thị Th có vay số tiền 600.000.000 đồng của Ngân hàng Nông Nghiệp PTNT chi nhánh huyện B chi nhánh xã B. Theo

hợp đồng tín dụng hai bên ký kết thì thời hạn thanh toán số tiền là tháng 11/2019. Do chưa đến hạn nên phía ngân hàng không yêu cầu giải quyết số nợ trong vụ án này. Trường hợp đến hạn thanh toán ông S bà Th không thanh toán theo thỏa thuận thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Ngân hàng xin giải quyết vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn nộp:

- Giấy đăng ký kết hôn của UBND xã T.N ngày 05/01/2005;
 - Bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ khẩu, 03 giấy chứng minh nhân dân photo của các con;
 - chứng từ giao dịch; biên bản thỏa thuận phân chia tài sản (photo)
 - Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.
- Bị đơn không nộp tài liệu chứng cứ gì khác.

Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất:

- Điều thừa nhận thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng.
- Điều thống nhất các con đã thành niên không yêu cầu gì về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Tài sản và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh S và Bà Bùi Thị Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989 đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 72/2005 ngày 05/01/2005 đã được ông S giao nộp hợp pháp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Thanh S và Bà Bùi Thị Th là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Nguyên đơn ông S khai quá trình chung sống ông bà đã xảy ra mâu thuẫn bắt đầu vào năm 2014 nhưng chưa đến mức độ trầm trọng. Nguyên nhân là do ông S và bà Th không thống nhất trong làm ăn kinh tế, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2015 thì ngày càng trầm trọng. bà Th cho rằng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ

ông S, do ông S thường xuyên chơi cờ bạc nên bà và ông S thường xuyên cãi nhau dẫn đến xô xát. Đến đầu năm 2018 thì giữa bà Th và ông S bất đồng việc làm ăn kinh tế, ông S có quan hệ với người phụ nữ khác về gây chuyện vô cớ đối với bà. Tuy nhiên ông S không thừa nhận và bà Th không có tài liệu chứng minh cho lời nại của mình. Bà Th không đồng ý ly hôn vì tuổi đã lớn và vì các con bà mong muốn đoàn tụ. Mặc dù đã được gia đình hai bên cũng như Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên nhưng không thành. Mặc dù hai bên không thống nhất mâu thuẫn nhưng căn cứ vào lời khai của các đương sự thì ông S bà Th đều thừa nhận trong thời gian chung sống hai bên có mâu thuẫn xảy ra, thường xuyên cãi nhau và xô xát nhau. Như vậy có đủ cơ sở ông S, bà Th vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu của bị đơn bà Th về việc không đồng ý ly hôn, bà Th thừa nhận giữa ông S và bà Th có mâu thuẫn xảy ra, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vì tuổi đã lớn, vì các con nên bà không muốn ly hôn. Việc không đồng ý ly hôn của bị đơn thật chất không xuất phát từ tình cảm của hai bên, việc các bên còn thương yêu quan tâm đến nhau. Do đó mục đích hôn nhân của các bên không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S.

[2] Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Khương D, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị Thu D, sinh năm: 1991 và Nguyễn Minh D, sinh năm: 1995. Sau khi ly hôn do các cháu đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh T.N số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình Tòa án làm việc với Ngân hàng, Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh T.N không yêu cầu Tòa án giải quyết vì chưa đến hạn thanh toán và đến nay ông S bà Th không vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021958 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thanh S về việc ly hôn. Ông Nguyễn Thanh S được ly hôn với Bà Bùi Thị Th.

[2] Về con chung: có 3 con chung là Nguyễn Khương D, sinh năm: 1990; Nguyễn Thị Thu D, sinh năm: 1991 và Nguyễn Minh D, sinh năm: 1995. Do các cháu đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Ông Nguyễn Thanh S phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021958 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Điền Thị Hạnh